

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E304

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 24/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60146	20810420073	Hoàng	An	09/12/2002			
2	TA60147	20810820048	Nguyễn Hoàng	An	13/05/2002			
3	TA60148	20810850001	Bùi Thị Vân	Anh	01/11/2002			
4	TA60149	20810720033	Đinh Tiến	Anh	04/10/2002			
5	TA60150	19810710194	Lê Quốc	Anh	20/10/2001			
6	TA60151	20810610018	Nguyễn Đức	Anh	01/12/2002			
7	TA60152	20810710127	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh	22/10/2002			
8	TA60153	ĐVTHS	Nguyễn Quang	Anh	17/05/1978			
9	TA60154	20810850024	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/02/2002			
10	TA60155	18810650009	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/2000			
11	TA60156	20810310572	Phạm Đức	Anh	27/01/2002			
12	TA60157	21810220449	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/09/2003			
13	TA60158	19810710017	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/03/2001			
14	TA60159	2262010025	Trần Văn	Bắc	13/09/1983			
15	TA60160	20810710069	Phạm Văn Tuấn	Bảo	16/09/2002			
16	TA60161	20810820055	Nguyễn Văn	Cánh	05/08/2002			
17	TA60162	20810000019	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002			
18	TA60163	19810310039	Nguyễn Hải	Chiều	20/08/2001			
19	TA60164	18810320664	Nguyễn Văn	Chương	13/05/2000			
20	TA60165	20810420089	Bùi Trọng	Đại	16/04/2002			
21	TA60166	18810620038	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000			
22	TA60167	18810540150	Trần Hải	Đăng	25/05/2000			
23	TA60168	20810610013	Vũ Minh	Đăng	25/11/2002			
24	TA60169	21810540470	Nguyễn Hữu	Đạt	17/07/2003			
25	TA60170	20810710285	Nguyễn Thành	Đạt	29/01/2002			
26	TA60171	21810310023	Hoàng Bích	Diệp	08/10/2003			
27	TA60172	21810710170	Nguyễn Thị	Diệp	30/01/2002			
28	TA60173	20810230076	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/07/2002			
29	TA60174	20810710238	Trần Hồng	Diệp	08/01/2002			
30	TA60175	2262010028	Tổng Bá	Đoàn	31/10/1989			
31	TA60176	20810000351	Phạm Hải	Đồng	05/07/2002			
32	TA60177	20810000432	Trần Hồng	Du	11/11/2001			
33	TA60178	18810430084	Nguyễn Đắc	Đức	11/06/2000			
34	TA60179	19810430301	Nguyễn Tiến	Đức	07/03/2001			
35	TA60180	20810620032	Đặng Anh	Dũng	13/06/2002			
36	TA60181	20810310387	Nguyễn Minh	Dũng	02/09/2002			
37	TA60182	20810610035	Phùng Tiến	Dũng	12/23/0002			
38	TA60183	20810820060	Trần Văn	Dũng	04/07/2002			
39	TA60184	1781110078	Đỗ Thái	Dương	16/02/1999			
40	TA60185	20810830205	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002			

41	TA60186	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002			
42	TA60187	20810820038	Nguyễn Đức	Giang	09/06/2001			
43	TA60188	21810820251	Nguyễn Phương	Giang	31/10/2003			
44	TA60189	20810710199	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	30/08/2002			
45	TA60190	20810820092	Trần Thị Thu	Hà	02/09/2002			
46	TA60191	20810230042	Hoàng Minh	Hàng	29/06/2002			
47	TA60192	1591210018	Nguyễn Gia	Hiền	15/04/1997			
48	TA60193	20810000225	Ngô Quang	Hiếu	12/05/2002			
49	TA60194	21810310144	Phạm Thị Thu	Hoài	12/02/2003			
50	TA60195	20810160451	Đình Văn	Hoan	21/01/2002			
51	TA60196	20810610263	Nguyễn Văn	Hoàng	01/03/2002			
52	TA60197	20810710099	Ninh Văn	Hoàng	29/10/2002			
53	TA60198	20810710193	Nguyễn Ánh	Hồng	29/06/2002			
54	TA60199	20810510093	Nguyễn Văn	Hùng	14/06/2002			
55	TA60200	20810620003	Vũ Mạnh	Hùng	11/01/2002			
56	TA60201	20810710237	Phan Thu	Hương	27/05/2002			
57	TA60202	20819120023	Hoàng Quốc	Huy	14/04/2002			
58	TA60203	18810710169	Trần Chí	Huy	16/12/2000			
59	TA60204	20810710174	Chu Thanh	Huyền	16/04/2002			
60	TA60205	20810830226	Phạm Khánh	Huyền	01/10/2002			
61	TA60206	21810180382	Vũ Hoàng	Kế	27/05/2003			
62	TA60207	18810410153	Nguyễn Văn	Kha	04/08/1999			
63	TA60208	18810320651	Phạm Quang	Khái	21/05/2000			
64	TA60209	18810170109	Nguyễn Văn	Khang	21/04/2000			
65	TA60210	20810160556	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/2002			
66	TA60211	20810820041	Lê Đình	Khoa	16/04/2002			
67	TA60212	20810310296	Lê Trần Trung	Kiên	07/04/2002			
68	TA60213	20810710123	Nguyễn Trung	Kiên	10/08/2002			
69	TA60214	19810110386	Nguyễn Văn	Kiên	15/10/2001			
70	TA60215	19810420256	Lê Xuân	Lâm	24/08/2001			
71	TA60216	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002			
72	TA60217	20810660272	Nguyễn Văn	Linh	16/06/2002			
73	TA60218	20810830212	Phạm Thùy	Linh	07/01/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THI SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 24/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60219	20810710251	Nguyễn Đức	Long	27/11/2002			
2	TA60220	19810000160	Nguyễn Văn	Long	05/06/2001			
3	TA60221	19810310621	Phí Thành	Long	24/12/2000			
4	TA60222	18810310165	Vu Phi	Long	25/12/2000			
5	TA60223	18810620138	Trần Tiến	Lực	11/08/2000			
6	TA60224	20810710082	Nguyễn Phương	Ly	03/06/2002			
7	TA60225	20810000308	Hoàng Văn	Mạnh	10/10/2002			
8	TA60226	18810310414	Nguyễn Đức	Mạnh	17/11/2000			
9	TA60227	20810820062	Trần Văn	Mạnh	01/09/2002			
10	TA60228	20810710073	Lê Ngọc	Minh	21/10/2002			
11	TA60229	20810610011	Mai Trọng Quang	Minh	19/10/2002			
12	TA60230	19810310021	Lưu Ngọc	Nam	22/03/2001			
13	TA60231	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999			
14	TA60232	18810320715	Phạm Đức	Nam	01/12/2000			
15	TA60233	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002			
16	TA60234	19810850006	Phạm Quang	Nghĩa	13/07/2001			
17	TA60235	18810310458	Nguyễn Văn	Nghiêm	14/10/2000			
18	TA60236	20810000416	Ngô Quang	Nghiệp	09/07/2002			
19	TA60237	19810230014	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/01/2001			
20	TA60238	18810340098	Vũ Hồng	Ngọc	22/06/2000			
21	TA60239	21810710178	Nguyễn Vũ Bảo	Nguyên	21/12/2003			
22	TA60240	21810180290	Phạm Bình	Nguyên	01/07/2003			
23	TA60241	ĐVTHS	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000			
24	TA60242	20810820076	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/07/2002			
25	TA60243	20810160459	Vũ Văn	Ninh	12/04/2002			
26	TA60244	20810420096	Hoàng Trung	Phong	21/04/2002			
27	TA60245	19810420010	Nguyễn Văn	Phú	19/01/2001			
28	TA60246	20810110265	Lê Đình	Phương	27/12/2002			
29	TA60247	19810310323	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001			
30	TA60248	20810710296	Nguyễn Quang	Sang	06/10/2002			
31	TA60249	19810230010	Dương Ngọc	Sơn	03/03/2001			
32	TA60250	20810110261	Nguyễn Hồng	Sơn	25/04/2002			
33	TA60251	20810830194	Đỗ Huệ	Tâm	16/04/2002			
34	TA60252	19810110004	Đỗ Xuân	Thạch	25/11/2001			
35	TA60253	19810660061	Bùi Quảng	Thái	21/10/2001			
36	TA60254	22810310070	Phạm Trần	Thái	17/06/2004			
37	TA60255	20810170375	Nguyễn Đức	Thắng	21/11/2002			
38	TA60256	21810670286	Nguyễn Văn	Thắng	17/09/2003			
39	TA60257	19810310681	Võ Thanh	Thắng	21/05/1997			
40	TA60258	1781320026	Bùi Công	Thành	27/08/1999			

41	TA60259	18810310293	Nguyễn Tiến	Thành	20/09/2000			
42	TA60260	19810830099	Bùi Phương	Thảo	21/09/2001			
43	TA60261	19810810197	Nguyễn Thị	Thảo	16/05/2001			
44	TA60262	20810850021	Vũ Thị Phương	Thảo	21/07/2002			
45	TA60263	20810850009	Cao Anh	Thư	15/11/2002			
46	TA60264	18810710207	Đỗ Thị	Thúy	15/08/2000			
47	TA60265	21810710098	Hoàng Thu	Thủy	15/11/2003			
48	TA60266	20810170381	Lại Thế	Tinh	02/11/2001			
49	TA60267	18810310606	Đậu Quốc	Toàn	08/02/2000			
50	TA60268	19810000515	Phạm Văn	Toàn	15/03/2001			
51	TA60269	20810830044	Lê Thanh	Trà	16/07/2002			
52	TA60270	20810850007	Hà Thị	Trang	04/04/2002			
53	TA60271	20810850062	Hoàng Huyền	Trang	27/06/2002			
54	TA60272	21810230426	Nguyễn Thị	Trang	05/12/2003			
55	TA60273	20810810137	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002			
56	TA60274	20810170418	Lê Minh	Trí	12/12/2002			
57	TA60275	2162010040	Đặng Quang	Trung	10/03/1993			
58	TA60276	19810310610	Nguyễn Đức	Tú	26/08/2001			
59	TA60277	20810310273	Trần Anh	Tuấn	03/12/2002			
60	TA60278	18810310248	Nguyễn Công	Tuệ	10/02/2000			
61	TA60279	20810000121	Hà Tài	Tùng	03/01/2002			
62	TA60280	19810310127	Trần Sơn	Tùng	05/01/2001			
63	TA60281	20810000193	Chu Ánh	Tuyết	18/04/2002			
64	TA60282	2162010044	Nguyễn Thị	Uyên	12/12/1992			
65	TA60283	20810710107	Phạm Thị Tú	Uyên	02/12/2002			
66	TA60284	20810610249	Phùng Huy	Văn	08/05/2002			
67	TA60285	18810620059	Trần Anh	Việt	18/07/2000			
68	TA60286	20810710228	Đỗ Công	Vũ	13/12/2002			
69	TA60287	20810170363	Trần Hải	Yên	13/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)